NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH, KỸ THUẬT KẾT NỐI HỆ THỐNG SIMO1 QUA KÊNH TIN ĐIỆN (API)

TRÊN MÔI TRƯỜNG KIỂM THỬ (UAT)

(Phiên bản 1.0.2)

**1** Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

*Hà Nội, 07/2024*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

**MỤC LỤC**

[BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI TÀI LIỆU 5](#_bookmark0)

[TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU 7](#_bookmark1)

* 1. [Căn cứ pháp lý 7](#_bookmark2)
  2. [Mục đích của tài liệu 7](#_bookmark3)
  3. [Điều kiện kết nối 7](#_bookmark4)

[MÔ HÌNH KỸ THUẬT KẾT NỐI KHAI THÁC DỊCH VỤ TRÊN HỆ THỐNG SIMO11](#_bookmark5) [DANH SÁCH DỊCH VỤ TÍCH HỢP 13](#_bookmark6)

[ĐẶC TẢ CHI TIẾT CÁC DỊCH VỤ TÍCH HỢP 14](#_bookmark7)

* 1. [Lấy thông tin Token 14](#_bookmark8)
  2. [Refresh token 14](#_bookmark8)
  3. [Dịch vụ thu thập danh sách TKTT định kỳ 16](#_bookmark9)
  4. [Dịch vụ thu thập danh sách TKTT nghi ngờ gian lận 19](#_bookmark10)
  5. [Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT nghi ngờ gian lận 22](#_bookmark11)
  6. [Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT 24](#_bookmark12)
  7. [Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHCN định kỳ 28](#_bookmark13)
  8. [Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHTC định kỳ 31](#_bookmark14)
  9. [Dịch vụ thu thập danh sách VĐT nghi ngờ gian lận 34](#_bookmark15)
  10. [Dịch vụ cập nhật lại VĐT nghi ngờ gian lận 37](#_bookmark16)
  11. [Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHCN 41](#_bookmark17)
  12. [Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHTC 45](#_bookmark18)
  13. [Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM 48](#_bookmark19)
  14. [Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận 51](#_bookmark20)
  15. [Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHCN 53](#_bookmark21)
  16. [Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHTC 57](#_bookmark22)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

* 1. [Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT nghi ngờ gian lận 60](#_bookmark23)
  2. [Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGTT 63](#_bookmark24)
  3. [Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng](#_bookmark25) [hợp tác 68](#_bookmark25)

[Mẫu 01: Đăng ký thông tin kết nối hệ thống SIMO qua kênh tin điện (API) 70](#_bookmark26)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

# BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI TÀI LIỆU

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày thay đổi** | **Mục thay đổi** | **Người thay đổi** | **Phiên bản** | **Nội dung** |
| 23/07/2024 |  | NHNN | 1.0.1 | Phát hành tài liệu hướng dẫn lần đầu |
| 11/11/2024 |  | NHNN | 1.0.2 | * Mục 1.6 Trường số 16   PhuongThucMoTaiKhoan: sửa định dạng từ String (10 ký tự) thành Integer  - Mục 1.7, Mục 1.12, Mục 1.13, Mục 1.17,  Mục 1.20 Trường NghiNgo: bổ sung thông tin mô tả   * Mục 1.9 Trường số 3 LoaiID: bổ ký hiệu x\*1 tại cột Bắt buộc * Mục 1.10 Trường số 6 GioiTinh: sửa định dạng từ String (1 ký tự) thành Integer;   Trường số 20 đổi tên trường từ quocTich thành QuocTich; Trường số 21 đổi tên  trường từ soTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT thành SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT  - Mục 1.11, Mục 1.12, Mục 1.13, Mục 1.20  Trường LoaiVdt: sửa thông tin mô tả   * Mục 1.14, Mục 1.18 Trường quocTich đổi tên thành QuocTich; Trường soTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT đổi tên thành SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT * Mục 1.15, Mục 1.19 Trường LoaiVtd sửa thông tin mô tả, Trường   soTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT sửa tên trường thành  SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Mục 1.21 Trường số 3.1, 3.2, 3.3,  4.1,4.2,4.3,5.1,5.2,5.3,  6.1,6.2,6.3,7.1,7.2,7.3, 8.1,8.2,8.3, 9.4 sửa  thành Integer (bỏ giới hạn ký tự) tại cột Kiểu dữ liệu và thêm ký hiệu x tại cột Bắt buộc ; trường số 9 bỏ ký hiệu x tại cột Bắt buộc; trường số 9.1 sửa cột Kiểu dữ liệu từ Integer(15 ký tự) thành String (8 ký tự);  trường số 9.2 sửa cột Kiểu dữ liệu từ String (250 ký tự) thành String (150 ký tự)   * Mục 1.22 trường số 3 bỏ ký hiệu x tại cột Bắt buộc; trường số 3.3 sửa thành Integer (bỏ giới hạn ký tự) tại cột Kiểu dữ liệu;   trường số 3.1 sửa thành String (8 ký tự).   * Bổ sung footnode: *“Hiện tại API này chưa sử dụng”* vào tên các mục 1.16, 1.18, 1.19,   1.20 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

**TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU**

## Căn cứ pháp lý

* + 1. Luật các tổ chức tín dụng 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
    2. Thông tư 17/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Thông tư 17);
    3. Thông tư 40/2024/TT-NHNN ngày 17/7/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (Thông tư 40);
    4. Thông tư 41/2024/TT-NHNN ngày 17/7/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về giám sát và thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (Thông tư 41);

## Mục đích của tài liệu

* + 1. Tài liệu này hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán kết nối các dịch vụ để gửi báo cáo theo quy định tại Thông tư 17, Thông tư 40 và Thông tư 41 qua kênh tin điện (API) của hệ thống SIMO trên môi trường kiểm thử (UAT).
    2. Tài liệu bao gồm các nội dung:

+ Điều kiện kết nối

+ Mô hình kỹ thuật kết nối khai thác dịch vụ trên hệ thống SIMO.

+ Danh sách dịch vụ tích hợp và phương thức giao tiếp.

+ Quy chuẩn định dạng gói tin đầu vào, đầu ra tương ứng mỗi dịch vụ.

## Điều kiện kết nối

* + 1. Về đường truyền kết nối:

+ Đối với các đơn vị kết nối với hệ thống SIMO qua đường Extranet (các tổ chức tín dụng), thực hiện các bước sau:

* + - * Truy cập vào file …\etc\hosts khai báo các đường dẫn sau: 202.58.245.42 mgsimotest.sbv.gov.vn
      1. simotest.sbv.gov.vn
      2. msimotest.sbv.gov.vn
      * Thực hiện thêm Routing trên thiết bị định tuyến của các đơn vị như sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

Ip route 202.58.245.42 255.255.255.255 next-hop

Ip route 202.58.245.40 255.255.255.255 next-hop

Ip route 202.58.245.41 255.255.255.255 next-hop

* + - * Đơn vị thực hiện mở chính sách trên tường lửa từ máy trạm đến các máy chủ SIMO cổng 443.
      * Đơn vị đăng ký IP máy truy cập hệ thống SIMO tại công văn đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01-UAT) gửi Cục CNTT để thực hiện chính sách kết nối.

+ Đối với các đơn vị kết nối với hệ thống SIMO qua đường Internet (các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán): đăng ký danh sách máy trạm kết nối với hệ thống SIMO (bao gồm thông tin địa chỉ IP Public của các máy trạm) tại công văn đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01-UAT) gửi Cục CNTT để thực hiện chính sách kết nối.

* + 1. Về cấp mới và đăng ký chứng thư số:

### *Thủ tục đăng ký chứng thư số thử nghiệm:*

* Đơn vị thực hiện điền thông tin vào mẫu Phụ lục 01 – Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số thử nghiệm cho cá nhân (lấy mẫu tại thư mục Tài liệu UAT theo đường link google drive Vụ Thanh toán gửi qua nhân sự đầu mối của các đơn vị);
* Đơn vị gửi bản scan có dấu đỏ Phụ lục 01 (đã điền đầy đủ thông tin) qua email [ca.nhnn@sbv.gov.vn](mailto:ca.nhnn@sbv.gov.vn) (cc [huong.daongoc@sbv.gov.vn](mailto:huong.daongoc@sbv.gov.vn); [trang.nguyenthu4@sbv.gov.vn](mailto:trang.nguyenthu4@sbv.gov.vn));
* Cục CNTT nhận được thông tin sẽ thực hiện cấp chứng thư số và gửi thông tin kích hoạt chứng thư số qua email của cá nhân được cấp chứng thư số.

*(Thiết bị lưu trữ chứng thư số, đơn vị chủ động trang bị theo đúng chủng loại đã được NHNN hướng dẫn tại Công văn 769/CNTT8 ngày 09/06/2017 của Cục CNTT về việc thông báo chủng loại, thông số kỹ thuật thiết bị lưu trữ chứng thư số và khóa bí mật của Tổ chức CA-NHNN.)*

***Kích hoạt chứng thư số:*** Các chứng thư số cấp mới phải thực hiện thủ tục kích hoạt chứng thư số.

* Đối với các đơn vị kết nối với hệ thống của NHNN qua đường Extranet (các tổ chức tín dụng): thực hiện kích hoạt chứng thư số theo tài liệu hướng dẫn kích hoạt chứng thư số được đăng tải trên cổng dịch vụ công NHNN tại địa chỉ: [*https://www.sbv.gov.vn*](https://www.sbv.gov.vn/) mục *Dịch vụ công trực tuyến -> DVCTT Toàn trình-> Chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số*. Đơn vị khai báo thông tin file hosts của máy trạm kích hoạt chứng thư số như sau:

202.58.245.182 sbvsub.sbv.gov.vn

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

202.58.245.190 sbvldap.sbv.gov.vn

Trường hợp đơn vị dùng cùng một máy trạm để kích hoạt chứng thư số của cả môi trường UAT và môi trường PROD, đơn vị phải sửa thông tin khai báo tại file host tương ứng với từng lần kích hoạt. Thông tin khai báo file host khi thực hiện kích hoạt cho môi trường RPOD tại có tại Tài liệu kích hoạt, gia hạn chứng thư số tại địa chỉ: [*https://www.sbv.gov.vn*](https://www.sbv.gov.vn/) mục *Dịch vụ công trực tuyến -> DVCTT Toàn trình-> Chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số*.

* Đối với các đơn vị kết nối qua đường Internet (các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán): để thực hiện kích hoạt chứng thư số cần đến trực tiếp Cục CNTT2 (các đơn vị phía Bắc) hoặc Chi Cục CNTT3 (các đơn vị phía Nam).

### *Lưu ý:*

+ Đơn vị có thể kích hoạt chứng thư số thử nghiệm và lưu chung vào trong thiết bị Token chứa chứng thư số sử dụng trên môi trường SIMO production. Trường hợp này đơn vị tuyệt đối không khởi tạo (format) thiết bị Token khi thực hiện kích hoạt. Sau khi kích hoạt chứng thư số thành công, trong thiết bị Token sẽ có thêm 2 dòng chứng thư số thử nghiệm.

* + 1. Ký báo cáo trên hệ thống SIMO UAT:

- Để thực hiện ký duyệt báo cáo trên môi trường SIMO UAT, đơn vị cần cài đặt các phần mềm sau:

+ Phần mềm SafeNet quản lý thiết bị Token lưu chứng thư số của người ký duyệt.

+ Phần mềm hỗ trợ ký số SBVPlugin.

Đối với máy trạm dùng để ký duyệt chung cho cả môi trường UAT và môi trường PROD: Phần mềm SafeNet có thể dùng chung và chỉ cần cài 1 lần; phần mềm hỗ trợ ký số SBVPlugin dùng riêng cho từng môi trường và phải cài đặt trên 2 thư mục khác nhau của máy trạm.

Các phần mềm và tài liệu liên quan đến chứng thư số được đăng tải trên cổng dịch vụ công NHNN tại địa chỉ: [*https://www.sbv.gov.vn*](https://www.sbv.gov.vn/) mục *Dịch vụ công trực tuyến -> DVCTT toàn trình-> Chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số*.

- Khi đơn vị ký duyệt báo cáo trên môi trường SIMO UAT, đơn vị phải nhập số hiệu chứng thư số được cấp để ký duyệt (số Serial Number). Để tra cứu số Serial Number của

2 64 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: 024.37731386

3 08 Võ Văn Kiệt, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.38223445

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

chứng thư số, đơn vị mở phần mềm SafeNet quản lý thiết bị Token đã được cài đặt trên máy trạm  chọn biểu tượng bánh răng trên phần mềm  chọn mục User Certificate  Chọn chứng thư số thử nghiệm để xem thông tin Serial Number.

## Lưu ý:

+ Lấy Serial Number của chứng thư số có trường thông tin Friendly Name tương ứng là Verification Certificate (ví dụ: 5C03F4D9).

+ Chứng thư số thử nghiệm được cấp bởi CA Ngân hàng Nhà nước có tên: SBV SubCA2 G2 TEST.

* + 1. Về Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin của TCTD, TGTT kết nối tới hệ thống SIMO qua kênh tin điện:

Hệ thống thông tin của TCTD, TGTT kết nối tới hệ thống SIMO qua kênh tin điện phải có Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin được phê duyệt, phương án bảo đảm an toàn thông tin phải đáp ứng các yêu cầu an toàn cấp độ 3 trở lên theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Công văn của đơn vị đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01) phải có nội dung cam kết đã đáp ứng các yêu cầu trên.

* + 1. Về username, password, consumer-key và consumer-secret:

Đối với việc kết nối qua kênh tin điện: username, password, consumer key và consumer-secret phục vụ cho việc lấy token (mục 4.1) để khai thác các dịch vụ của hệ thống SIMO.

Đề nghị cấp username, password, consumer key và consumer-secret tham gia hệ thống SIMO qua kênh tin điện tại công văn đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01) gửi Cục CNTT (trong công văn đề nghị ghi rõ thông tin email đầu mối, Cục CNTT sẽ phản hồi thông tin kết nối qua email đơn vị cung cấp).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

# MÔ HÌNH KỸ THUẬT KẾT NỐI KHAI THÁC DỊCH VỤ TRÊN HỆ THỐNG SIMO

SIMO

**1. Gửi yêu cầu lấy token với consumer key và secret key**

**2. Tạo token**

**3. Trả lại token**

**4. Đóng gói yêu cầu với**

**token**

**5. Gửi yêu cầu khai thác Api**

**6. Xác thực token**

**8. Trả về kết quả tiếp nhận**

**7. Tiếp nhận dữ liệu**

MÔ HÌNH KỸ THUẬT KẾT NỐI KHAI THÁC DỊCH VỤ TRÊN HỆ THỐNG SIMO

TCTD



|  |
| --- |
| SIMO Cung cấp: |
| - Địa chỉ API Gateway |
| - Đặc tả tin điện |
| - Endpoint tin điện |
| - Consumer key & Secret key |
| - 01 Tài khoản khai thác dịch vụ |



* Trình tự kết nối:
  + 1. **Bước 1**: yêu cầu access token. Các tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán (TCTD, TGTT) sử dụng cặp khóa (consumer\_key và secret\_key) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp, gửi yêu cầu lấy token để truy cập các dịch vụ do hệ thống SIMO cung cấp.
    2. **Bước 2**: xác thực và tạo token. Hệ thống tiến hành xác thực các cặp khóa và khởi tạo token cho phép các TCTD, TGTT truy cập các dịch vụ được cấp phép.
    3. **Bước 3**: trả về token. Sau khi khởi tạo token, hệ thống tiến hành đóng gói và trả token cho TCTD, TGTT. Token này chỉ có giá trị sử dụng trong một phiên làm việc với một khoảng thời gian timeout nhất định do hệ thống quy định.
    4. **Bước 4**: đóng gói yêu cầu khai thác dịch vụ với token. Yêu cầu khai thác dịch vụ được gửi tới hệ thống cần có 2 thành phần: (1) Thông tin đầu vào như: Mã số khách hàng (cif), tên tài khoản, số tài khoản, v.v…; (2) Thông tin token.
    5. **Bước 5**: gửi yêu cầu khai thác dịch vụ. Các TCTD, TGTT gửi yêu cầu trực tiếp khai thác qua các dịch vụ được hệ thống quy định.
    6. **Bước 6**: xác thực token và kiểm tra quyền truy cập. Hệ thống tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của token với dịch vụ được yêu cầu. Nếu TCTD, TGTT chưa đăng ký sử dụng dịch

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam** |
| ***Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán***  ***kết nối Hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện*** |

vụ đang được yêu cầu, hệ thống sẽ chặn quyền truy cập dịch vụ. Ngược lại, nếu TCTD, TGTT đã đăng ký sử dụng dịch vụ, hệ thống tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.

* + 1. **Bước 7**: tiếp nhận dữ liệu. Hệ thống tiến hành thực hiện các công việc cần thiết để tiếp nhận dữ liệu tương ứng với từng dịch vụ được yêu cầu.
    2. **Bước 8**: trả về dữ liệu. Các TCTD, TGTT sẽ nhận được kết quả phản hồi ngay khi hệ thống tiếp nhận dữ liệu, kết quả xử lý dữ liệu sẽ được thông báo qua cổng website của SIMO.

# DANH SÁCH DỊCH VỤ TÍCH HỢP

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dịch vụ** | **Mã dịch**  **vụ** | **Mục đích sử dụng** |
| 1 | Dịch vụ thu thập danh sách TKTT định kỳ | simo\_001 | - Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các TKTT mở mới trong tháng tại đơn vị mình |
| 2 | Dịch vụ thu thập danh sách TKTT nghi ngờ gian lận | simo\_002 | - Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các TKTT có dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí đã được xây dựng sẵn |
| 3 | Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT nghi ngờ gian lận | simo\_003 | - Dịch vụ này cho phép các TCCUDVTT thực hiện rà soát, đánh giá thông tin tăng cường (KYC) lại cho các TKTT trong danh sách nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí |
| 4 | Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT | simo\_004 | - Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT rà soát lại các khách hàng có phát sinh việc cập nhật thông tin trong tháng và gửi báo cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT |
| 5 | Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT - KHCN định kỳ | simo\_005 | - Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng cá nhân mở mới tại đơn vị mình |
| 6 | Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT - KHTC định kỳ | simo\_006 | - Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng tổ chức mở mới tại đơn vị mình |
| 7 | Dịch vụ thu thập danh sách VĐT nghi ngờ gian lận | simo\_007 | - Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT có dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí đã được xây dựng sẵn |
| 8 | Dịch vụ cập nhật lại VĐT nghi ngờ gian lận | simo\_008 | - Dịch vụ này cho phép các TGTT thực hiện rà soát, đánh giá thông tin tăng cường (KYC) lại cho các VĐT trong danh sách nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí |
| 9 | Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT - KHCN | simo\_009 | - Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng cá nhân cập nhật tại đơn vị mình |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dịch vụ** | **Mã dịch**  **vụ** | **Mục đích sử dụng** |
| 10 | Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT – KHTC | simo\_010 | - Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng tổ chức cập nhật tại đơn vị mình |
| 11 | Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM | simo\_011 | - Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM |
| 12 | Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận4 | simo\_012 | - Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận |
| 13 | Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHCN | simo\_013 | - Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHCN |
| 14 | Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHTC | simo\_014 | - Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHTC |
| 15 | Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT nghi ngờ gian lận5 | simo\_015 | - Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT nghi ngờ gian lận |
| 16 | Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGTT | simo\_016 | - Dịch vụ này cho phép thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGTT |
| 17 | Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng hợp tác | simo\_017 | - Dịch vụ này cho phép thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng hợp tác |

**ĐẶC TẢ CHI TIẾT CÁC DỊCH VỤ TÍCH HỢP**

## Lấy thông tin Token

- URL: [https://mgsimotest.sbv.gov.vn/token](https://mgsimo.sbv.gov.vn/token)

* Method: POST

4 Hiện tại API này chưa sử dụng, đơn vị báo cáo qua kênh Portal

**5** Hiện tại API này chưa sử dụng, đơn vị báo cáo qua kênh Portal

* Content-Type: application/x-www-form-urlencoded
* Header: Authorization: Basic Base64(consumer-key:consumer-secret)(cặp khóa consumer-key và consumer-secret do NHNN cung cấp cho mỗi TCTD, TGTT)
* Đặc tả đầu vào:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Key** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 1 | grant\_type | password |  |
| 2 | username | <Tài khoản khai thác dịch vụ> | NHNN cung cấp |
| 3 | password | <Mật khẩu khai thác dịch vụ> | NHNN cung cấp |

* Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | access\_token | string | Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc của một TCTD, TGTT |
| 2 | scope | string |  |
| 3 | token\_type | string | Kiểu token <Bearer> |
| 4 | expires\_in | number | Thời gian token có hiệu lực (giây) |

## Refresh token

- URL: [https://mgsimotest.sbv.gov.vn/token](https://mgsimo.sbv.gov.vn/token)

* Method: POST
* Content-Type: application/x-www-form-urlencoded
* Header: Authorization: Basic Base64(consumer-key:consumer-secret)(cặp khóa consumer-key và consumer-secret do NHNN cung cấp cho mỗi TCTD, TGTT)
* Đặc tả đầu vào:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Key** | **Giá trị** | **Ghi chú** |
| 1 | grant\_type | refresh\_token |  |
| 2 | refresh\_token | Token được cấp từ api Lấy thông tin token |  |

* Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | access\_token | string | Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc của một TCTD, TGTT |
| 2 | scope | string |  |
| 3 | token\_type | string | Kiểu token <Bearer> |
| 4 | expires\_in | number | Thời gian token có hiệu lực (giây) |

## Dịch vụ thu thập danh sách TKTT định kỳ

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) | x | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer | x | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu;  5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 5 | NgaySinh | String (10 ký tự) | x | Ngày sinh  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 6 | GioiTinh | Integer | x | Giới tính  (0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị khác) |
| 7 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) |  | Mã số thuế |
| 8 | SoDienThoaiDang KyDichVu | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking |
| 9 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |
| 10 | DiaChiKiemSoatTr uyCap | String (60 ký tự) | x | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 11 | MaSoNhanDangThi etBiDiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 12 | SoTaiKhoan | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản |
| 13 | LoaiTaiKhoan | Integer |  | Loại tài khoản 1- VNĐ  2- Ngoại tệ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 14 | TrangThaiHoatDon gTaiKhoan | Integer | x | Trạng thái hoạt động của tài khoản  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 15 | NgayMoTaiKhoan | String (10 ký tự) | x | Ngày mở tài khoản  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | PhuongThucMoTai Khoan | Integer |  | Phương thức mở TKTT:  1 - mở tại quầy; 2 - mở qua eKYC |
| 17 | NgayXacThucTaiQ uay | String (10 ký tự) |  | Ngày khách hàng xác thực trực tiếp tại quầy  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 18 | QuocTich | String (36 ký tự) | x | Quốc Tịch |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-danh-  sach-tktt-api |
| **Request header** | |

|  |  |
| --- | --- |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên  (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập danh sách TKTT nghi ngờ gian lận

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoTaiKhoan | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản |
| 3 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 4 | TrangThaiHoatDon gTaiKhoan | Integer | x | Trạng thái hoạt động của tài khoản  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 5 | NghiNgo | Integer | x | Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT  0 - Không nghi ngờ gian lận |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | 1. - Thông tin trong hồ sơ mở TKTT của chủ tài khoản không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 2. - TKTT nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng. 3. - TKTT nhận tiền từ nhiều TKTT khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít). 4. - TKTT có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,... 5. - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác. 6. - TKTT phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ tài khoản; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường…) 7. - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ   MAC) được sử dụng để thực |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 TKTT.  8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này. |
| 6 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-tktt-nngl-  api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin  điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.7.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT nghi ngờ gian lận

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 3 | SoTaiKhoan | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản |
| 4 | TrangThaiHoatDong TaiKhoan | Integer | x | Trạng thái hoạt động của tài khoản  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 5 | NghiNgo | Integer | x | Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT  0- Không nghi ngờ gian lận 1- Thông tin trong hồ sơ mở  TKTT của chủ tài khoản không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.   1. TKTT nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng. 2. TKTT nhận tiền từ nhiều   TKTT khác nhau và được |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).   1. TKTT có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,... 2. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác. 3. TKTT phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ tài khoản; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường…) 4. Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 TKTT. 5. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này. |
| 6 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 7 | LyDoCapNhat | String (500 ký tự) | x | Lý do cập nhật |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-  tktt-nngl-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.8.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) |  | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer |  | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) |  | Tên khách hàng |
| 5 | NgaySinh | String (10 ký tự) |  | Ngày sinh  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 6 | GioiTinh | Integer |  | Giới tính  (0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị khác) |
| 7 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) |  | Mã số thuế |
| 8 | SoDienThoaiDang KyDichVu | String (15 ký tự) |  | Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking |
| 9 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 10 | DiaChiKiemSoatTr uyCap | String (60 ký tự) |  | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 11 | MaSoNhanDangThi etBiDiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 12 | SoTaiKhoan | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản  Là trường bắt buộc khi một trong số các trường sau tồn tại thông tin: Địa chỉ Mac, Số IMEI, Trạng thái hoạt động của tài khoản,Ngày khách hàng xác thực tại quầy |
| 13 | TrangThaiHoatDon gTaiKhoan | Integer |  | Trạng thái hoạt động của tài khoản  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng, 6. Xóa |
| 14 | NgayXacThucTaiQ uay | String (10 ký tự) |  | Ngày khách hàng xác thực trực tiếp tại quầy  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 15 | LoaiTaiKhoan | Integer |  | Loại tài khoản 1- VNĐ  2- Ngoại tệ |
| 16 | NgayMoTaiKhoan | String (10 ký tự) |  | Ngày mở tài khoản  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 17 | PhuongThucMoTai Khoan | Integer |  | Phương thức mở TKTT:  1 - mở tại quầy; 2 - mở qua eKYC |
| 18 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |
| 19 | QuocTich | String (36 ký tự) |  | Quốc Tịch |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nốitub** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-  danh-sach-tktt-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.9.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHCN định kỳ

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) | x | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer | x | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 5 | NgaySinh | String (10 ký tự) | x | Ngày sinh  (có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 6 | GioiTinh | Integer | x | Giới tính  (0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị khác) |
| 7 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) |  | Mã số thuế |
| 8 | SoDienThoaiDang KyDichVu | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại đăng ký mở và sử dụng VĐT |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 9 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |
| 10 | DiaChiKiemSoatTr uyCap | String (60 ký tự) | x | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 11 | MaSoNhanDangThi etBiDiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 12 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 13 | LoaiVdt | Integer | x | Loại VĐT:  1 - VĐT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2 - VĐT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT. |
| 14 | TrangThaiHoatDon gVdt | Integer | x | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng. |
| 15 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) | x | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 17 | NgayLienKetVoiTk tt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 18 | NgayTamKhoaHoa cPhongToaVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 19 | NgayDongVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày đóng ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 20 | QuocTich | String (36 ký tự) | x | Quốc tịch |
| 21 | SoTaiKhoanDongV NTheGhiNoVDT | String (150 ký tự) | x | Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví điện tử |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-danh-  sach-vdt-khcn-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |

|  |  |
| --- | --- |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.10.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHTC định kỳ

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) | x | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer | x | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu;  5. Giấy chứng nhận căn  cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy  tờ khác. |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 5 | TenVietTat | String (75 ký tự) | x | Tên viết tắt |
| 6 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) | x | Mã số thuế |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 7 | SoDienThoaiDangKyDic hVu | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại đăng ký mở và sử dụng VĐT |
| 8 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |
| 9 | DiaChiKiemSoatTruyCa p | String (60 ký tự) | x | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 10 | MaSoNhanDangThietBi DiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 11 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 12 | LoaiVdt | Integer | x | Loại ví điện tử  (3 - [VĐT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT)], 4 - [VĐT mở  cho khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT]) |
| 13 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer | x | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 14 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) | x | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 15 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 17 | NgayTamKhoaHoacPhon gToaVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 18 | NgayDongVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày đóng ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 20 | SoTaiKhoanDongVNThe GhiNoVDT | String (150 ký tự) | x | Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví điện tử |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-danh-  sach-vdt-khtc-api |
| **Request header** | |

|  |  |
| --- | --- |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.11.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập danh sách VĐT nghi ngờ gian lận

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 3 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 4 | LoaiVdt | Integer | x | Loại VĐT:  1[VĐT khách hàng cá nhân(không phải là ĐVCNTT)], 2[VĐT khách  hàng cá nhân là ĐVCNTT], 3[VĐT mở cho khách hàng là tổ chức khác(không phải là ĐVCNTT)], 4[VĐT mở  cho khách hàng là tổ chức |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | khác là ĐVCNTT] |
| 5 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer | x | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng. |
| 6 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) | x | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 7 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 8 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 9 | NghiNgo | Integer | x | Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT theo danh mục   1. - Không nghi ngờ gian lận 2. - Thông tin trong hồ sơ mở Ví điện tử của chủ Ví điện tử không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 3. - Ví điện tử nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng. 4. - Ví điện tử nhận tiền từ   nhiều Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | trả trước định danh khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).   1. - Ví điện tử có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,... 2. - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác. 3. - Ví điện tử phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ Ví điện tử; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường…) 4. - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 Ví điện tử. 5. - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 10 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-vdt-nngl-  api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.12.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ cập nhật lại VĐT nghi ngờ gian lận

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 3 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 4 | LoaiVdt | Integer | x | Loại VĐT:  1[VĐT khách hàng cá nhân(không phải là ĐVCNTT)], 2[VĐT khách  hàng cá nhân là ĐVCNTT], 3[VĐT mở cho khách hàng là tổ chức khác(không phải là ĐVCNTT)], 4[VĐT mở  cho khách hàng là tổ chức khác là ĐVCNTT] |
| 5 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer | x | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng. |
| 6 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) | x | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 7 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 8 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 9 | NghiNgo | Integer | x | Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT theo danh mục   1. - Không nghi ngờ gian lận 2. - Thông tin trong hồ sơ mở Ví điện tử của chủ Ví điện tử không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 3. - Ví điện tử nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng. 4. - Ví điện tử nhận tiền từ nhiều Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít). 5. - Ví điện tử có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,... 6. - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.   1. - Ví điện tử phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ Ví điện tử; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường…) 2. - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 Ví điện tử. 3. - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.) |
| 10 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |
| 11 | LyDoCapNhat | String (500 ký tự) | x | Lý do cập nhật |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-  vdt-nngl-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.13.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHCN

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) |  | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer |  | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu;  5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) |  | Tên khách hàng |
| 5 | NgaySinh | String (10 ký tự) |  | Ngày sinh  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 6 | GioiTinh | Integer |  | Giới tính  (0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị khác) |
| 7 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) |  | Mã số thuế |
| 8 | SoDienThoaiDangKyDic hVu | String (15 ký tự) |  | Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking |
| 9 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |
| 10 | DiaChiKiemSoatTruyCa p | String (60 ký tự) |  | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 11 | MaSoNhanDangThietBi DiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 12 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 13 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer |  | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng, 5. Xóa |
| 14 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 15 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | NgayTamKhoaHoacPhon gToaVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 17 | NgayDongVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày đóng ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 18 | LoaiVdt | Integer |  | Loại VĐT:  1 - VĐT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2  - VĐT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT. |
| 19 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 20 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 21 | QuocTich | String (36 ký tự) |  | Quốc Tịch |
| 22 | SoTaiKhoanDongVNThe GhiNoVDT | String (150 ký tự) |  | Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví điện tử |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-  danh-sach-vdt-khcn-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.14.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHTC

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) |  | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer |  | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) |  | Tên khách hàng |
| 5 | TenVietTat | String (75 ký tự) |  | Tên viết tắt |
| 6 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) |  | Mã số thuế |
| 7 | SoDienThoaiDangKyDic hVu | String (15 ký tự) |  | Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking |
| 8 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 9 | DiaChiKiemSoatTruyCa p | String (60 ký tự) |  | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 10 | MaSoNhanDangThietBi DiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 11 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 13 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer |  | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng, 5. Xóa |
| 14 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 15 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | NgayTamKhoaHoacPhon gToaVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 17 | NgayDongVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày đóng ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 18 | LoaiVdt | Integer |  | Loại ví điện tử  (3 - [VĐT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT)], 4 - [VĐT mở cho  khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT]) |
| 19 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 20 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |
| 21 | SoTaiKhoanDongVNThe GhiNoVDT | String (150 ký tự) |  | Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví điện tử |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-  danh-sach-vdt-khtc-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| kyBaoCao | Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy) |
| **Method** | POST |

|  |  |
| --- | --- |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.15.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM6

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) | x | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer | x | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân ; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 5 | NgaySinh | String (10 ký tự) | x | Ngày sinh  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 6 | GioiTinh | Integer | x | Giới tính  (0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị |

**6** Hiện tại API này chưa sử dụng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | khác) |
| 7 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) |  | Mã số thuế |
| 8 | SoDienThoaiDangKyDic hVu | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking |
| 9 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |
| 10 | DiaChiKiemSoatTruyCa p | String (36 ký tự) | x | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 11 | MaSoNhanDangThietBi DiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 12 | SoTaiKhoan | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản |
| 13 | LoaiTaiKhoan | Integer |  | Loại tài khoản 1- VNĐ  2- Ngoại tệ |
| 14 | TrangThaiHoatDongTai Khoan | Integer | x | Trạng thái hoạt động của tài khoản  1. Đang hoạt động; 2. Tạm |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 15 | NgayMoTaiKhoan | String (10 ký tự) | x | Ngày mở tài khoản  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | PhuongThucMoTaiKhoa n | Integer |  | Phương thức mở TKTT:  1 - mở tại quầy; 2 - mở qua eKYC |
| 17 | NgayXacThucTaiQuay | String (10 ký tự) |  | Ngày khách hàng xác thực trực tiếp tại quầy  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 18 | QuocTich | String (36 ký tự) | x | Quốc Tịch |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-  danh-sach-tktt-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| **Method** | POST |

|  |  |
| --- | --- |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.16.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận7

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoTaiKhoan | String (36 ký tự) | x | Số tài khoản |
| 3 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 4 | TrangThaiHoatDongTai Khoan | Integer | x | Trạng thái hoạt động của tài khoản  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng. |
| 5 | NghiNgo | Integer | x | Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT   1. - Không nghi ngờ gian lận 2. - Thông tin trong hồ sơ mở TKTT của chủ tài khoản không trùng khớp với thông tin của cá |

7 Hiện tại API này chưa sử dụng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.   1. - TKTT nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng. 2. - TKTT nhận tiền từ nhiều TKTT khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít). 3. - TKTT có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,... 4. - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác. 5. - TKTT phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ tài khoản; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường…) 6. - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 TKTT. 7. - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 6 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-  danh-sach-tktt-nngl-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin  điện |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.17.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHCN8

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |

**8** Hiện tại API này chưa sử dụng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) | x | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer | x | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân ; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác). |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 5 | NgaySinh | String (10 ký tự) | x | Ngày sinh  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 6 | GioiTinh | Integer | x | Giới tính  (0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị khác) |
| 7 | MaSoThue | String (10  hoặc13 ký tự) |  | Mã số thuế |
| 8 | SoDienThoaiDangKyDic hVu | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking |
| 9 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 10 | DiaChiKiemSoatTruyCa p | String (36 ký tự) | x | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 11 | MaSoNhanDangThietBi DiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 12 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 13 | LoaiVdt | Integer | x | Loại VĐT:  1 - VĐT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2 - VĐT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT. |
| 14 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer | x | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng. |
| 15 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) | x | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 17 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 18 | NgayTamKhoaHoacPhon gToaVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 19 | NgayDongVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày đóng ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 20 | QuocTich | String (36 ký tự) | x | Quốc tịch |
| 21 | SoTaiKhoanDongVNThe GhiNoVDT | String (150 ký tự) | x | Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví điện tử |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-  danh-sach-vdt-khcn-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.18.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo) |

|  |  |
| --- | --- |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHTC9

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | SoID | String (15 ký tự) | x | Số ID |
| 3 | LoaiID | Integer | x | Loại ID:  1. Thẻ căn cước công dân ; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác. |
| 4 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 5 | TenVietTat | String (75 ký tự) | x | Tên viết tắt |
| 6 | MaSoThue | String (10 hoặc  13 ký tự) | x | Mã số thuế |
| 7 | SoDienThoaiDangKyDic hVu | String (15 ký tự) | x | Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking |

**9** Hiện tại API này chưa sử dụng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 8 | DiaChi | String (300 ký tự) |  | Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố |
| 9 | DiaChiKiemSoatTruyCa p | String (36 ký tự) | x | Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking |
| 10 | MaSoNhanDangThietBi DiDong | String (36 ký tự) |  | Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking |
| 11 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 12 | LoaiVdt | Integer | x | Loại ví điện tử  (3 - [VĐT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT)], 4 - [VĐT mở cho  khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT]) |
| 13 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer | x | 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng. |
| 14 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) | x | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 15 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 16 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 17 | NgayTamKhoaHoacPhon gToaVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 18 | NgayDongVdt | String (10 ký tự) |  | Ngày đóng ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 20 | SoTaiKhoanDongVNThe GhiNoVDT | String (150 ký tự) | x | Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví điện tử |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-  danh-sach-vdt-khtc-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| **Method** | POST |

|  |  |
| --- | --- |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.19.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT nghi ngờ gian lận10

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định dạng** | **Bắt**  **buộc** | **Mô tả** |
| 1 | Cif | String (36 ký tự) | x | Mã số khách hàng |
| 2 | TenKhachHang | String (150 ký tự) | x | Tên khách hàng |
| 3 | IdVdt | String (36 ký tự) | x | Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT) |
| 4 | LoaiVdt | Integer | x | Loại VĐT:  1[VĐT khách hàng cá nhân(không phải là ĐVCNTT)], 2[VĐT khách  hàng cá nhân là ĐVCNTT], 3[VĐT mở cho khách hàng là tổ chức khác(không phải là ĐVCNTT)], 4[VĐT mở  cho khách hàng là tổ chức khác là ĐVCNTT] |

**10** Hiện tại API này chưa sử dụng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | TrangThaiHoatDongVdt | Integer | x | Trạng thái hoạt động của ví điện tử  1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng. |
| 6 | NgayMoVdt | String (10 ký tự) | x | Ngày mở ví điện tử  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 7 | NgayKyc | String (10 ký tự) |  | Ngày KYC  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 8 | NgayLienKetVoiTktt | String (10 ký tự) |  | Ngày liên kết với TKTT  ( có định dạng dd/MM/YYYY) |
| 9 | NghiNgo | Integer | x | Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT theo danh mục   1. - Không nghi ngờ gian lận 2. - Thông tin trong hồ sơ mở Ví điện tử của chủ Ví điện tử không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 3. - Ví điện tử nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng. 4. - Ví điện tử nhận tiền từ nhiều Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít). |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | 1. - Ví điện tử có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,... 2. - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác. 3. - Ví điện tử phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ Ví điện tử; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường…) 4. - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 Ví điện tử. 5. - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.) |
| 10 | GhiChu | String (500 ký tự) |  | Ghi chú |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về  00: Thành công |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-  danh-sach-vdt-nngl-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.20.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử nngl trong 1 lần gửi báo cáo) |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGTT

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định**  **dạng** | **Bắt buộc** | **Mô tả** |
| 1 | ThoiGianDuLieu | String (17 ký tự) | x | Thời gian mà hệ thống nghiệp vụ của TGTT trích xuất dữ liệu báo cáo. Định dạng: dd/mm/yy hh:mm:ss |
| 2 | ThoiGianGuiBaoCao | String (17 ký tự) |  | Thời gian gửi báo cáo dưới dạng dd/mm/yy hh:mm:ss |
| 3 | SoLuongVDTTaiDonVi ChapNhanThanhToan | List Object |  | Thông tin số lượng ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là các đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT).  Bắt buộc có dữ liệu một |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định**  **dạng** | **Bắt buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là ĐVCNTT |
| 3.1 | SoLuongVDTDaPhatHa nh | Interger | x | Số lượng VĐT đã phát hành cho khách hàng là ĐVCNTT |
| 3.2 | SoLuongVDTDaKichHo at | Interger | x | Số lượng VĐT của khách hàng là ĐVCNTT đã được kích hoạt |
| 3.3 | SoLuongVDTDangHoat Dong | Interger | x | Số lượng VĐT của khách hàng là ĐVCNTT đang hoạt động |
| 4 | SoLuongVDTCaNhan | List Object |  | Thông tin số lượng ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT)  Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của cá nhân |
| 4.1 | SoLuongVDTDaPhatHa nh | Interger | x | Số lượng VĐT đã phát hành cho khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) |
| 4.2 | SoLuongVDTDaKichHo at | Interger | x | Số lượng VĐT của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) đã được kích hoạt |
| 4.3 | SoLuongVDTDangHoat Dong | Interger | x | Số lượng VĐT của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) đang hoạt động |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định**  **dạng** | **Bắt buộc** | **Mô tả** |
| 5 | SoLuongVDTToChuc | List Object |  | Thông tin số lượng ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT)  Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là tổ chức |
| 5.1 | SoLuongVDTDaPhatHa nh | Interger | x | Số lượng VĐT đã phát hành cho khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) |
| 5.2 | SoLuongVDTDaKichHo at | Interger | x | Số lượng VĐT của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) đã được kích hoạt |
| 5.3 | SoLuongVDTDangHoat Dong | Interger | x | Số lượng VĐT của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) đang hoạt động |
| 6 | SoDuVDTCuaDonViCha pNhanThanhToan | List Object |  | Thông tin số dư ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của các khách hàng là ĐVCNTT  Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là ĐVCNTT |
| 6.1 | SoDuVDTDaPhatHanh | Interger |  | Số dư VĐT đã phát hành cho khách hàng là ĐVCNTT |
| 6.2 | SoDuVDTDaKichHoat | Interger |  | Số dư VĐT đã kích hoạt của khách hàng là ĐVCNTT |
| 6.3 | SoDuVDTDangHoatDon g | Interger |  | Số dư VĐT đang hoạt động của khách hàng là ĐVCNTT |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định**  **dạng** | **Bắt buộc** | **Mô tả** |
| 7 | SoDuVDTCaNhan | List Object |  | Thông tin số dư ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT)  Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của cá nhân |
| 7.1 | SoDuVDTDaPhatHanh | Interger | x | Số dư VĐT đã phát hành của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) |
| 7.2 | SoDuVDTDaKichHoat | Interger | x | Số dư VĐT đã kích hoạt của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) |
| 7.3 | SoDuVDTDangHoatDon g | Interger | x | Số dư VĐT đang hoạt động của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) |
| 8 | SoDuVDTToChuc | List Object |  | Thông tin số dư ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là các tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT)  Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là tổ chức |
| 8.1 | SoDuVDTDaPhatHanh | Interger | x | Số dư VĐT đã phát hành của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) |
| 8.2 | SoDuVDTDaKichHoat | Interger | x | Số dư VĐT đã kích hoạt của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định**  **dạng** | **Bắt buộc** | **Mô tả** |
|  |  |  |  | tổ chức là ĐVCNTT) |
| 8.3 | SoDuVDTDangHoatDon g | Interger | x | Số dư VĐT đang hoạt động của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) |
| 9 | SoDuTKDBTTChoDich VuVDT | List Object |  | Thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ ví điện tử của tổ chức TGTT mở tại các ngân hàng hợp tác |
| 9.1 | MaNganHang | String (8 ký tự) | x | Mã Ngân hàng mở và quản lý TKĐBTT trong danh mục đơn vị |
| 9.2 | TenNganHang | String (150 ký tự) |  | Tên Ngân hàng mở và quản lý TKĐBTT |
| 9.3 | SoHieuTKDBTT | String(30 ký tự) | x | Số hiệu TKĐBTT |
| 9.4 | SoDuTKDBTT | Interger | x | Số dư TKĐBTT tại thời gian được quy định tại trường ThoiGianDuLieu |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/tin-dien-so-du-tkdbtt-cho-  vdt/1.0/thu-thap-so-du-tkdbtt-tai-tgtt-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi  tin điện |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.21.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

## Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng hợp tác

* + 1. Đặc tả đầu vào API:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định**  **dạng** | **Bắt buộc** | **Mô tả** |
| 1 | ThoiGianDuLieu | String (17 ký tự) | x | Thời gian mà hệ thống nghiệp vụ của NHHT trích xuất dữ liệu báo cáo. Định dạng: dd/mm/yy hh:mm:ss |
| 2 | ThoiGianGuiBaoCao | String (17 ký tự) |  | Thời gian gửi báo cáo dưới dạng dd/mm/yy hh:mm:ss |
| 3 | TKDBTTTaiNHHT | List Object |  | Thông tin TKĐBTT của các TGTT tại ngân hàng báo cáo |
| 3.1 | MaToChucTGTT | String (8 ký tự) | x | Mã tổ chức TGTT mở và sử dụng TKĐBTT tại ngân hàng báo cáo |
| 3.2 | SoHieuTKDBTT | String(30 ký tự) | x | Số hiệu TKĐBTT |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Định**  **dạng** | **Bắt buộc** | **Mô tả** |
| 3.3 | SoDuTKDBTT | Interger | x | Số dư TKĐBTT tại thời gian được quy định tại trường ThoiGianDuLieu |

* + 1. Đặc tả đầu ra API:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | code | String | Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại |
| 2 | message | String | Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại |
| 3 | success | Boolean | True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại |

- **Chi tiết dịch vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa chỉ kết nối** | |
| **URL** | https://mgsimotest.sbv.gov.vn/simo/tin-dien-so-du-tkdbtt-cho-  vdt/1.0/thu-thap-so-du-tkdbtt-tai-ngan-hang-api |
| **Request header** | |
| maYeuCau | Được sinh tự động từ phía các ngân hàng hợp tác, dùng để định danh  các lần gửi tin điện |
| **Method** | POST |
| **Content-Type** | application/json |
| **Authorization** | Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên) |
| **Request Body** | |
| **1.22.3 Body** | Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên |
| **Response Body** | |
| **Body** | Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên |

**TÊN NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC TGTT**

# Mẫu 01-UAT: Đăng ký thông tin kết nối hệ thống SIMO UAT qua kênh tin điện (API)

## Thông tin tổ chức

- Tên tổ chức: ....................................................................................................................

- Mã ngân hàng (mã 8 số được NHNN cấp):....................................................................

- Thông tin người lập biểu: ...............................................................................................

 Họ và tên:........................................................................................................................

 Email:............................................................. Điện thoại di động:…………………

## Thông tin đăng ký IP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa chỉ(\*)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |

1. **Đăng ký sử dụng username, password, consumer-key, consumer-secret**

- Email nhận thông tin username, password, consumer-key, consumer-secret:

## Cam kết

< **TÊN NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC TGTT** > cam kết hệ thống thông tin từ của TCTD, TGTT kết nối tới hệ thống SIMO qua kênh tin điện phải có Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin được phê duyệt, phương án bảo đảm an toàn thông tin phải đáp ứng các yêu cầu an toàn cấp độ 3 trở lên theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU** | **TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC** |

|  |  |
| --- | --- |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:*** (\*) Nếu kết nối qua đường Extranet (tổ chức tín dụng) thì khai báo địa chỉ IP máy trạm, kết nối qua đường Internet (tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán) thì khai báo IP Public của máy trạm